TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đinh Văn Q, sinh ngày 01/01/1988 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 (Q2), sinh ngày 21/12/1989 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Đinh Văn Q trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 tổ chức lễ cưới và tự nguyện về sống chung với nhau, sau đó làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/5/2010. Vợ chồng có 02 người con chung là Đinh Gia Đ, sinh ngày 28/10/2009 và Định Gia Đ1, sinh ngày 26/11/2011. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vui vẻ và hạnh phúc, nhưng từ năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống và thường xuyên vự cải với nhau. Vì vậy ông và bà Q1 muốn trả tự do cho nhau, sau khi thống nhất ông nộp đơn khởi kiện.

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Q1.

- Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Đinh Gia Đ và Định Gia Đ1, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 vắng mặt, quá trình giải quyết có văn bản trình bày ý kiến: Bà thống nhất với trình bày của ông Q trong đơn khởi kiện, con chung, không tài sản chung và không nợ chung. Về hôn nhân thì bà đồng ý ly hôn với ông Đinh Văn Q và giao 02 con chung là Đinh Gia Đ, sinh ngày 28/10/2009 và Định Gia Đ1, sinh ngày 26/11/2011 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, bà không cấp dưỡng. Đối với tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng thì bà không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì thấy: Bà Q1 đồng ý ly hôn và giao 02 người con chung với ông Q cho ông Q nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Q, công nhận thuận tình ly hôn cho ông Q và bà Q1. Đối với 02 con chung, ông Q yêu cầu nuôi dưỡng 02 người con chung và các con có nguyện vọng sống với cha, bà Q1 đồng ý giao con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho ông Q nuôi dưỡng. Về án phí đề nghị xem xét nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Các vấn đề khác không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, các đương sự có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông Q và bà Q1 tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được được UBND xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37/2010 ngày 25/5/2010 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, ông Q có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa ông Q với bà Q1 không sống chung với nhau. Bà Q1 đã được thông báo về việc ông Q khởi kiện và đồng ý ly hôn, việc đồng ý ly hôn của bà Q1 là

tự nguyện. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Q1 và ông Q.

[3] Về con chung: Giữa bà Q1 và ông Q có 02 người con chung là Đinh Gia Đ, sinh ngày 28/10/2009 và Định Gia Đ1, sinh ngày 26/11/2011 đều đang sống với ông Q. Bà Q1 đồng ý giao 02 con chung cho ông Q nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của 02 người con chung (bút lục 08-09) và yêu cầu của ông Q nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 người con chung nêu trên cho ông Q nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Ông Q không yêu cầu bà Q1 cấp dưỡng cho các con là tự nguyện, bà Q1 không tự nguyện cấp dưỡng. Do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đinh Văn Q và bà Nguyễn Thị Ngọc Q1.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Đinh Gia Đ, sinh ngày 28/10/2009 và Định Gia Đ1, sinh ngày 26/11/2011 cho ông Đinh Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Ông Đinh Văn Q và bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 mỗi người phải chịu án phí ly hôn là 75.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, ông Q đã nộp xong án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng còn dư 225.000 đồng theo biên lai thu số 0008100 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai